

VIỆC SỬ DỤNG NGÔN NGỮ THỨ NHẤT TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH: QUAN ĐIỂM CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

Nguyễn Thanh Hải, Thái Nguyễn Tô Loan
Khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Văn Hiến

Tóm tắt: Nghiên cứu này khảo sát quan điểm của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Văn Hiến về việc sử dụng tiếng Việt của các giảng viên trong giảng dạy tiếng Anh nhằm tìm hiểu mức cần thiết của việc sử dụng tiếng mẹ đẻ và nên được áp dụng như thế nào. Kết quả cho thấy sinh viên đánh giá việc dùng tiếng Việt trong giảng dạy giúp sinh viên hiểu các khái niệm phức tạp, các thuật ngữ và ngữ pháp. Tuy nhiên, sinh viên cũng nhấn mạnh rằng tiếng Việt chỉ nên được sử dụng để hỗ trợ, chứ không thay thế cho tiếng Anh. Nghiên cứu đề xuất việc tích hợp tiếng Việt một cách cân bằng có thể nâng cao khả năng tiếp thu của sinh viên mà không làm giảm thời lượng tiếp xúc với tiếng Anh trong lớp học.

Từ khóa: giảng dạy tiếng Anh (ELT), ngôn ngữ thứ nhất (L1), giáo dục bậc đại học, nhận thức người học, thái độ sinh viên

THE USE OF MOTHER TONGUE IN ENGLISH LANGUAGE TEACHING: PERSPECTIVES OF ENGLISH MAJOR UNIVERSITY STUDENTS AT VAN HIEN UNIVERSITY

Nguyen Thanh Hai, Thai Nguyen To Loan
Faculty of Foreign Languages, Van Hien University

Abstract: This study examines the perspectives of English-major students at Van Hien University on their instructors' use of the mother tongue (Vietnamese) in English language teaching to determine the necessity of mother tongue use and how it should be applied. Findings indicate that students regard Vietnamese as a helpful aid in understanding complex concepts, terminology, and grammar. However, they also emphasize that Vietnamese should serve only as a support rather than a replacement for English. The study suggests that a balanced integration of Vietnamese can enhance students' comprehension without reducing their exposure to English in the classroom.

Keywords: English language teaching (ELT), mother tongue (L1), university-level education, learner perceptions, student attitudes

Nhận bài: 12/05/2025

Phản biện: 15/06/2025

Duyệt đăng: 19/06/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vai trò của tiếng mẹ đẻ trong giảng dạy tiếng Anh (ELT) từ lâu đã là chủ đề gây tranh luận, đặc biệt ở bậc đại học, nơi trình độ tiếng Anh thường được coi là yếu tố quyết định thành công học thuật và nghề nghiệp. Việc giảng dạy ngôn ngữ theo Phương pháp giao tiếp (Communicative language teaching hay CLT) ban đầu hạn chế sử dụng ngôn ngữ thứ nhất nhằm ưu tiên việc “đắm chìm” hay “thấm thấu” (immersion) trong tiếng Anh, nhưng các cách tiếp cận hiện đại ngày càng nhận ra rằng việc sử dụng ngôn ngữ thứ nhất một cách hợp lý có thể hỗ trợ quá trình học tập. Cụ thể, Larsen-Freeman & Anderson (2011) lưu ý rằng trong CLT, “việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của người học ở mức độ phù hợp được chấp nhận” khi nó thúc đẩy giao tiếp.

Trong một thập niên vừa qua, đặc biệt tại các môi trường tiếng Anh như ngoại ngữ (EFL) ở châu Á, các nhà nghiên cứu đã xem xét lại vấn đề này, nhấn mạnh quan điểm của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh về thời điểm và cách thức mà ngôn ngữ mẹ đẻ hỗ trợ hoặc cản trở quá trình học tập. Tại Việt Nam, các nghiên cứu về việc sử dụng tiếng Việt hay song ngữ trong giảng dạy tiếng Anh

đã xuất hiện dù con số còn khiêm tốn. Nhìn chung các bài nghiên cứu này chia sẻ cùng một quan điểm tích cực về việc sử dụng tiếng Việt như một cách hỗ trợ người dạy và người học tiếng Anh trong nhiều khía cạnh quan trọng như giải thích khái niệm từ vựng và ngữ pháp trừu tượng, củng cố sự tự tin cũng như mối quan hệ giữa người dạy và người học và tổ chức hoạt động lớp. Tuy nhiên, các bài nghiên cứu về khía cạnh này trong môi trường đại học chuyên ngành tiếng Anh còn khá hiếm.

Trong quan sát thực tế việc dạy và học tiếng Anh tại trường Đại học Văn Hiến, sinh viên chuyên ngành tiếng Anh được giảng dạy chính yếu bằng tiếng Anh; tuy nhiên, việc can thiệp hay củng cố bằng tiếng Việt thỉnh thoảng vẫn được ghi nhận tùy theo hoàn cảnh của từng môn học. Do đó, bài nghiên cứu được thực hiện nhằm sáng tỏ quan điểm của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại đây về sự cần thiết và mức độ sử dụng ngôn ngữ thứ nhất trong môi trường giảng dạy tiếng Anh, làm nổi bật các lợi ích, cũng như những hạn chế về mặt sư phạm, đồng thời lắng nghe ý kiến của sinh viên nhằm có những điều chỉnh và định hướng phù hợp.

Vì những lý do trên, bài nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích trả lời hai câu hỏi sau:

1. Sinh viên nhìn nhận việc sử dụng ngôn ngữ thứ nhất của giáo viên trong lớp học tiếng Anh như thế nào?

2. Những đề xuất của sinh viên đối với việc sử dụng ngôn ngữ thứ nhất của giáo viên

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Tổng quan về việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giảng dạy tiếng Anh

Việc sử dụng L1 trong lớp học tiếng Anh là đề tài gây tranh luận lâu dài. Trong khi các phương pháp truyền thống như GTM sử dụng L1 rộng rãi, CLT lại đề cao môi trường “English-only”. Tuy vậy, CLT không hoàn toàn loại trừ L1 nếu giúp thúc đẩy giao tiếp và hiểu bài (Larsen-Freeman & Anderson, 2011; Cook, 2001; Macaro, 2005; Auerbach, 1993).

2.1.2. Lợi ích của việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp học tiếng Anh

L1 giúp người học tiếp cận kiến thức mới hiệu quả (Vygotsky, 1978), kết nối cái đã biết với cái mới (Macaro, 2001), giải thích từ vựng, ngữ pháp phức tạp (Mustafa, 2021), giảm tải nhận thức (Cummins, 2000) và tăng sự tự tin, động lực học tập (Krashen, 1982; Bouguerra, 2024). Ngoài ra, L1 hỗ trợ quản lý lớp, giải thích yêu cầu, và cải thiện quan hệ giảng viên – sinh viên (Yildiz & Su-Bergil, 2021; Tubayqi & Al Tale', 2021).

2.1.3. Hạn chế khi sử dụng ngôn ngữ thứ nhất

Dùng L1 quá mức làm giảm thời gian tiếp xúc L2, gây yếm, dễ dẫn đến lỗi và hạn chế phản xạ ngôn ngữ (Turnbull, 2001; Macaro, 2005; Cook, 2001; Krashen, 1982). Một số nghiên cứu cho thấy học sinh học tốt hơn trong môi trường “English-only” (Alnoori, 2021; Yucedal, 2024).

2.1.4. Nghiên cứu tại Việt Nam

Các nghiên cứu tại Việt Nam ủng hộ việc sử dụng L1 có kiểm soát để giải thích nội dung khó, giảm lo lắng, tiết kiệm thời gian, đặc biệt trong lớp đông (Nguyen & Nguyen, 2010; Phạm, 2016; Lê, 2022; Grant & Nguyen, 2017). Sinh viên chuyên ngữ đánh giá cao việc dùng L1 để giải thích khái niệm phức tạp, nhưng vẫn ý thức về rủi ro của việc lạm dụng (Yen & Danh, 2021).

2.1.5. Kết luận

Sử dụng L1 trong lớp học tiếng Anh có thể mang lại lợi ích rõ ràng nếu được dùng có chiến lược và giới hạn (Cummins, 2000; Vygotsky, 1978). Tuy nhiên, lạm dụng sẽ gây trở ngại cho việc thụ đắc ngôn ngữ. Giáo viên cần xây dựng quy tắc linh

hoạt để cân bằng giữa L1 và L2 (Tanrıseven & Kırkgöz, 2021).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua khảo sát trực tuyến với 10 câu hỏi thiết kế trên Google Form, gồm câu hỏi đóng và một số câu hỏi mở. Nội dung khảo sát tập trung vào quan điểm của sinh viên về việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp học tiếng Anh, lợi ích – hạn chế, ngữ cảnh sử dụng phù hợp và ảnh hưởng đến động lực, kỹ năng ngôn ngữ.

Đối tượng khảo sát là 90 sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Văn Hiến, thuộc bốn chuyên ngành khác nhau và từ năm nhất đến năm tư. Khảo sát diễn ra trong tháng 5 năm 2025, theo hình thức tự nguyện và ẩn danh nhằm đảm bảo độ tin cậy. Dữ liệu được xử lý thống kê nhằm xác định xu hướng và mức độ đồng thuận, từ đó phân tích kết quả trong phần sau của nghiên cứu.

2.3. Phân tích và Thảo luận kết quả

2.3.1. Quan điểm chung về việc sử dụng tiếng Việt trong giảng dạy tiếng Anh

Khi được hỏi liệu giảng viên có nên sử dụng tiếng Việt trong việc dạy tiếng Anh hay không, đa số sinh viên (86%) ủng hộ ở mức độ có kiểm soát. Điều này phản ánh sự đồng thuận tương đối rằng tiếng Việt nên được dùng như một công cụ hỗ trợ thay vì thay thế hoàn toàn tiếng Anh.

Về lợi ích chính, phần lớn sinh viên cho rằng việc sử dụng tiếng Việt giúp giải thích các điểm ngữ pháp khó (53.1%) và thuật ngữ trừu tượng (36.7%) một cách hiệu quả hơn. Điều này cho thấy sinh viên xem tiếng Việt là công cụ hỗ trợ nhận thức như một cầu nối hỗ trợ, đặc biệt trong các tình huống yêu cầu xử lý kiến thức trừu tượng hoặc cấu trúc mới, hơn là một công cụ thay thế hoàn toàn cho việc học tiếng Anh. Nhận định này đồng nhất với quan điểm của Cook (2001) rằng tiếng mẹ đẻ hỗ trợ nhận thức cho người học khi cần làm sáng tỏ các khái niệm trừu tượng hoặc cung cấp hướng dẫn cụ thể. Mặt khác, nhược điểm lớn nhất được nêu là gây ra sự lệ thuộc vào tiếng Việt (27.6%) và giảm cơ hội thực hành tiếng Anh (18.4%), phản ánh nhận thức rõ ràng của sinh viên về nguy cơ mất cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ thứ hai.

2.3.2. Mức độ mong muốn sử dụng tiếng Việt theo từng kỹ năng

Khi đánh giá mức độ mong muốn sử dụng tiếng Việt theo từng loại kỹ năng, Đối với kỹ năng Nói và Nghe, sinh viên mong muốn sử dụng tiếng Việt ở mức thấp hơn. Trong khi đó, kỹ năng Đọc

và đặc biệt là Việt có tỷ lệ sinh viên ủng hộ mức sử dụng “vừa phải” cao hơn.

Điều này cho thấy mong muốn tạo môi trường giao tiếp ngôn ngữ thứ hai rõ rệt ở các môn kỹ năng nói/nghe, trong khi các kỹ năng thiên về xử lý thông tin (đọc, viết) được chấp nhận lòng ghép tiếng Việt hơn để tăng tính rõ ràng và hiệu quả truyền đạt. Điều này cũng củng cố quan điểm rằng lớp học giao tiếp nên hạn chế tiếng mẹ đẻ để tối ưu hóa việc sử dụng ngôn ngữ thứ hai (Yucedal, 2024).

2.3.3. Xu hướng sử dụng tiếng Việt theo nhóm môn học chuyên ngành

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên có những quan điểm khác nhau về mức độ phù hợp khi sử dụng tiếng Việt tùy thuộc vào từng nhóm môn học. Cụ thể, với nhóm môn Ngôn ngữ học – vốn thiên về lý thuyết và khái niệm trừu tượng – phần lớn sinh viên (46%) lựa chọn mức “vừa phải”, và 34% mong muốn sử dụng nhiều hơn. Điều này phản ánh rằng tiếng Việt được xem là công cụ cần thiết để hỗ trợ tiếp cận các khái niệm phức tạp trong môn học này.

Ở nhóm môn Thương mại, sinh viên thể hiện xu hướng cân trọng hơn. Gần 55% vẫn chọn mức “vừa phải”, song tỷ lệ sinh viên mong muốn sử dụng tiếng Việt ở mức thấp (“ít hơn” hoặc “ít hơn nhiều”) chiếm hơn 24%. Điều này cho thấy trong các lớp học chuyên ngành hướng đến thực hành

và giao tiếp như tiếng Anh thương mại, sinh viên có xu hướng ưu tiên sử dụng ngôn ngữ đích để tăng khả năng ứng dụng và phản xạ trong môi trường thực tế.

Đối với nhóm môn Dịch thuật và Phiên dịch, 48% sinh viên tiếp tục chọn “vừa phải”, nhưng đáng chú ý là tỷ lệ sinh viên mong muốn dùng nhiều tiếng Việt hơn lên đến 24%. Với đặc thù của môn học yêu cầu chuyển đổi linh hoạt giữa hai ngôn ngữ, tiếng Việt được nhìn nhận như một phần không thể thiếu để tạo cầu nối giữa hai hệ thống ngôn ngữ và văn hóa. Do đó, nhu cầu sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp dịch thuật được đánh giá cao hơn so với nhóm môn thương mại.

2.3.4. Tác động đến kỹ năng và trải nghiệm học tập

Khi được hỏi về cách sử dụng ngôn ngữ giảng dạy nào hiệu quả nhất cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh, đa số sinh viên phản hồi vẫn ưa thích các lớp kết hợp hai ngôn ngữ hơn. Đáng chú ý, hơn 40% số sinh viên thực sự thích việc giảng viên ưu tiên dùng tiếng Anh hơn. Điều này cho thấy mặc dù tiếng mẹ đẻ có lợi về nhiều mặt kể trên, cũng có nhiều sinh viên vẫn ưa chuộng phương pháp “đắm chìm” (immersion) vào tiếng Anh. Đa số (gần 58%) cho rằng phương pháp giảng dạy hiệu quả là linh hoạt sử dụng cả hai ngôn ngữ tùy theo mục tiêu, nội dung bài học và nhu cầu người học.

Bảng. Cách sử dụng ngôn ngữ giảng dạy nào hiệu quả nhất cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh?

Phản hồi	Tổng số	Tỷ lệ
Giảng viên chỉ nên sử dụng tiếng Anh trong tất cả các lớp	5	5.56%
Giảng viên nên sử dụng chủ yếu tiếng Anh với ít tiếng Việt	32	35.56%
Giảng viên nên cân bằng giữa tiếng Anh và tiếng Việt	24	26.67%
Giảng viên nên sử dụng chủ yếu tiếng Việt với một ít tiếng Anh	1	1.11%
Giảng viên nên điều chỉnh việc sử dụng ngôn ngữ dựa trên loại môn học và nhu cầu sinh viên	28	31.11%
Grand Total	90	100.00%

Phản hồi này củng cố lập luận rằng việc sử dụng tiếng mẹ đẻ không nên bị loại bỏ hoàn toàn mà cần được điều chỉnh theo bối cảnh sư phạm cụ thể. Về quan điểm phương pháp hiệu quả, nhiều sinh viên cho rằng nên cân bằng hai ngôn ngữ hoặc điều chỉnh linh hoạt tùy nội dung và đối tượng học, thay vì tuyệt đối hóa một phương pháp duy nhất. (Macaro, 2018)

Tóm lại, dữ liệu khảo sát cho thấy sinh viên chuyên ngành Anh tại Trường Đại học Văn Hiến nhìn nhận việc sử dụng tiếng Việt trong dạy tiếng Anh một cách tích cực, nhưng mong muốn giới hạn

ở mức hợp lý. Những phản hồi này tại trường Đại học Văn Hiến tương đồng với những nghiên cứu gần đây tại các trường Đại học khác tại Việt Nam (Le, 2022; Nguyen, 2022; Nguyen, 2023; Vu, 2023). Cụ thể hơn, sinh viên cho rằng tiếng mẹ đẻ nên được sử dụng chủ yếu để giải thích nội dung khó và tạo thuận lợi cho tâm lý học tập, đồng thời đề nghị giảng viên điều chỉnh tỷ lệ sử dụng tiếng Việt tùy theo môn học. Bên cạnh đó, việc cân bằng hợp lý giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong giảng dạy có thể tối ưu hóa hiệu quả học tập của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh (Tubayqi & Al Tale', 2021).

2.4. Thảo luận

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Văn Hiến nhìn nhận việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp học tiếng Anh như một công cụ sư phạm mang tính chiến lược, được sử dụng có mục đích và giới hạn rõ ràng. Sinh viên đánh giá cao vai trò hỗ trợ của tiếng Việt, đặc biệt trong các nội dung trừu tượng hoặc chuyên môn, nhưng cũng ý thức được nguy cơ lệ thuộc nếu lạm dụng. Họ thể hiện mong muốn duy trì môi trường học tập có nhiều tiếp xúc với tiếng Anh, phản ánh nhận thức sư phạm thực tế và cân bằng.

Việc sử dụng tiếng mẹ đẻ được sinh viên điều chỉnh theo đặc thù môn học. Các môn lý thuyết và dịch thuật có xu hướng cần nhiều hỗ trợ từ tiếng Việt, trong khi các môn thiên về giao tiếp như tiếng Anh thương mại ưu tiên môi trường sử dụng tiếng Anh. Điều này cho thấy không thể áp dụng một mô hình giảng dạy đồng nhất, mà cần sự linh hoạt theo ngữ cảnh, nội dung và năng lực người học.

Sinh viên nhận thức rõ lợi ích và hạn chế của tiếng mẹ đẻ: hỗ trợ giải thích ngữ pháp, giảm lo âu nhưng cũng có nguy cơ giảm thực hành tiếng Anh. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy người học có sự tự điều chỉnh và nhận thức về môi trường học hiệu quả.

Từ đó, nghiên cứu đề xuất sử dụng tiếng mẹ đẻ như một công cụ linh hoạt, dựa trên mục tiêu

giảng dạy và đặc điểm người học. Giáo viên nên chủ động điều chỉnh mức độ sử dụng L1, và các chương trình đào tạo giáo viên cần lồng ghép nội dung này như một phần trong chiến lược sư phạm. Cuối cùng, nghiên cứu mở ra hướng cho các công trình mở rộng với quy mô lớn hơn, đối tượng nghiên cứu đa dạng hơn để hiểu sâu hơn vai trò của tiếng mẹ đẻ trong dạy học ngoại ngữ tại Việt Nam.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã làm rõ quan điểm của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Văn Hiến về việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giảng dạy tiếng Anh. Kết quả cho thấy phần lớn sinh viên đánh giá tích cực việc sử dụng tiếng Việt như một công cụ hỗ trợ giảng dạy, đặc biệt trong các tình huống yêu cầu giải thích kiến thức trừu tượng, cấu trúc ngữ pháp khó hoặc thuật ngữ chuyên ngành. Việc sử dụng tiếng mẹ đẻ mang lại nhiều lợi ích nhận thức và tâm lý, như tăng sự thoải mái, giảm lo âu, và tăng khả năng tiếp nhận kiến thức ở người học.

Tuy nhiên, sinh viên cũng ý thức rõ về những hạn chế tiềm ẩn của việc sử dụng ngôn ngữ thứ nhất, đặc biệt là nguy cơ lệ thuộc và giảm thời gian tiếp xúc với tiếng Anh. Do đó, giảng viên nên sử dụng tiếng Việt trong phạm vi giới hạn, phù hợp với trình độ người học và tính chất của môn học trong lớp học tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Auerbach, E. R. (1993). *Reexamining English only in the ESL classroom*. TESOL Quarterly, 27(1), 9–32.
2. Alnoori, B. Y. A. (2021). *A study of the impact of total immersion and total instruction strategies and the attitude of Iraqi EFL pupils towards both*. Turkish Journal of Computer and Mathematics Education, 12(3), 1278–1283.
3. Bouguerra, H. (2014). *Exploring the use of translanguaging in the EFL classroom: A case study of adult ESL learners in the U.S.* International Journal of TESOL Studies, 4(1), 59–73.
4. Cook, V. (2001). *Using the first language in the classroom*. Canadian Modern Language Review, 57(3), 402–423.
5. Cummins, J. (2000). *Language, power and pedagogy: Bilingual children in the crossfire*. Multilingual Matters.
6. Grant, L. E., & Nguyen, T. H. (2017). *Code-switching in Vietnamese university EFL teachers' classroom instruction: A pedagogical focus*. Language Awareness, 26(3), 244–259.
7. Krashen, S. D. (1982). *Principles and practice in second language acquisition*. Pergamon Press.
8. Larsen-Freeman, D., & Anderson, M. (2011). *Techniques and Principles in Language Teaching (3rd ed.)*. Oxford University Press.
9. Le, H. T. (2022). *Students' attitudes towards teacher's use of Vietnamese in EFL classrooms at Vietnam National University Hanoi*. International School. International Journal of TESOL & Education, 2(5), 20–33.
10. Macaro, E. (2001). *Analysing student teachers' codeswitching in foreign language classrooms: Theories and decision making*. The Modern Language Journal, 85(4), 531–548.
11. Macaro, E. (2005). *Codeswitching in the L2 classroom: A communication and learning strategy*. In E. Llurda (Ed.), *Non-native language teachers: Perceptions, challenges and contributions to the profession* (pp. 63–84). Springer.
12. Macaro, E. (2018). *English medium instruction: Content and language in policy and practice*. Oxford University Press.
13. Mustafa, M. F. A. (2021). *Using bilingual method in ESL classrooms: Advantages and challenges*. Journal of English Education and Linguistics Studies (JEELS), 8(2), 167–177.
14. Nguyen, T. K. A., & Nguyen, T. K. H. (2010). *Use of Vietnamese in English language teaching in Vietnam: Attitudes of Vietnamese university teachers*. Journal of Asia TEFL, 7(1), 1–18.
15. Nguyen, T. T. (2023). *Phản hồi của sinh viên về việc giáo viên sử dụng tiếng Việt khi giảng dạy tiếng anh tại Đại học Cần Thơ*. Tạp Chí Khoa Học Ngôn Ngữ Và Văn Hóa, 5(2), 226–237.
16. Pham, H. T. (2016). *The use of Vietnamese in English language teaching at a university in Ho Chi Minh City*. Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn, 10(1), 45–54.
17. Tanriseven, I., & Kırkgöz, Y. (2021). *An investigation into the teachers' use of L1 in EFL classes*. International Online Journal of Education and Teaching (IOJET), 8(2), 948–962.
18. Tubayqi, H. A., & Al Tale', M. A. (2021). *Mother tongue use in beginner EFL grammar classes in Saudi Arabia: A case study*. Arab World English Journal (AWEJ), 12(1), 39–53.
19. Turnbull, M. (2001). *There is a role for the L1 in second and foreign language teaching, but...* Canadian Modern Language Review, 57(4), 531–540.
20. Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.
21. Yen, P. H., & Danh, D. T. (2021). *English majored students' perceptions of teachers' use of Vietnamese in EFL classrooms*. Journal of English Education and Linguistics Studies, 8(2), 369–376.
22. Yildiz, I., & Su-Bergil, A. (2021). *Students and Teachers' Points of View on Code-Switching in EFL Classes: A Balance or Imbalance Paradigm?* Educational Policy Analysis and Strategic Research, 16(4), 8–29.
23. Yucedal, H. H. (2024). *EFL learners' belief in English-only instruction: A promising or ineffective approach at the tertiary level in Iraq*. Arab World English Journal (AWEJ), 15(1), 40–55.